

Số: 03/2024/TT-BKHHCN

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2024

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	giới: S
	Ngày: 23/4/24

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2013/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2019/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

Căn cứ Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 28/2023/NĐ-CP ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2013/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2019/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4 Thông tư số 23/2013/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 07/2019/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2013/TT-BKHHCN như sau:

“Điều 4. Danh mục phương tiện đo, biện pháp kiểm soát về đo lường và chu kỳ kiểm định phương tiện đo

Danh mục phương tiện đo, biện pháp kiểm soát về đo lường và chu kỳ kiểm định phương tiện đo bao gồm:

1. Các phương tiện đo, biện pháp kiểm soát về đo lường và chu kỳ kiểm định phương tiện đo quy định trong bảng sau đây:

TT	Tên phương tiện đo	Biện pháp kiểm soát về đo lường				Chu kỳ kiểm định
		Phê duyet mẫu	Kiểm định			
			Ban đầu	Định kỳ	Sau sửa chữa	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Phương tiện đo độ dài:					
	- Thước cuộn	-	x	-	-	-
	- Phương tiện đo khoảng cách quang điện	-	x	x	x	12 tháng
	- Phương tiện đo độ sâu đáy nước	-	x	x	x	12 tháng
	- Phương tiện đo độ sâu công trình ngầm	-	x	x	x	24 tháng
2	Taximet	x	x	x	x	18 tháng
3	Phương tiện đo kiểm tra tốc độ phương tiện giao thông	x	x	x	x	24 tháng
4	Phương tiện đo thủy chuẩn	-	x	x	x	12 tháng
5	Toàn đạc điện tử	-	x	x	x	12 tháng
6	Cân phân tích	-	x	x	x	12 tháng
7	Cân kỹ thuật	-	x	x	x	12 tháng
8	Cân thông dụng:					
	- Cân đồng hồ lò xo	x	x	x	x	24 tháng
	- Cân bàn; cân đĩa; cân treo đọc thép-lá đề	x	x	x	x	12 tháng
9	Cân treo móc cầu	x	x	x	x	12 tháng
10	Cân ô tô	x	x	x	x	12 tháng
11	Cân ô tô chuyên dùng kiểm tra tải trọng xe cơ giới	x	x	x	x	24 tháng
12	Cân tàu hỏa tĩnh	x	x	x	x	12 tháng
13	Cân tàu hỏa động	x	x	x	x	24 tháng
14	Cân băng tải	x	x	x	x	12 tháng
15	Cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới	x	x	x	x	12 tháng
16	Quả cân:					
	- Quả cân cấp chính xác E ₂	-	x	x	x	24 tháng
	- Quả cân cấp chính xác đến F ₁	-	x	x	x	12 tháng
17	Phương tiện thử độ bền kéo nén	-	x	x	x	12 tháng
18	Phương tiện đo mô men lực	-	x	x	x	12 tháng

TT	Tên phương tiện đo	Biện pháp kiểm soát về đo lường				Chu kỳ kiểm định
		Phê duyệt mẫu	Kiểm định			
			Ban đầu	Định kỳ	Sau sửa chữa	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
19	Cột đo xăng dầu	x	x	x	x	12 tháng
20	Cột đo khí dầu mỏ hóa lỏng	x	x	x	x	12 tháng
21	Đồng hồ đo nước:					
	- Đồng hồ đo nước lạnh cơ khí	x	x	x	x	60 tháng
	- Đồng hồ đo nước lạnh có cơ cấu điện tử	x	x	x	x	36 tháng
22	Đồng hồ đo xăng dầu	x	x	x	x	12 tháng
23	Đồng hồ đo khí:					
	- Đồng hồ đo khí dầu mỏ hóa lỏng	x	x	x	x	12 tháng
	- Đồng hồ đo khí công nghiệp	x	x	x	x	36 tháng
	- Đồng hồ đo khí dân dụng:					
	+ $Q_{max} < 16 \text{ m}^3/\text{h}$	x	x	x	x	60 tháng
	+ $Q_{max} \geq 16 \text{ m}^3/\text{h}$	x	x	x	x	36 tháng
24	Phương tiện đo dung tích thông dụng	-	x	x	x	24 tháng
25	Pipet	-	x	x	x	24 tháng
26	Bể đong cố định	-	x	x	x	60 tháng
27	Xi téc:					
	- Xi téc ô tô	-	x	x	x	12 tháng
	- Xi téc đường sắt	-	x	x	x	60 tháng
28	Phương tiện đo mức xăng dầu tự động	x	x	x	x	12 tháng
29	Phương tiện đo vận tốc dòng chảy của nước	-	x	x	x	24 tháng
30	Phương tiện đo vận tốc gió	-	x	x	x	24 tháng
31	Áp kế: áp kế lò xo; áp kế điện tử; baromet	-	x	x	x	12 tháng
32	Huyết áp kế gồm: huyết áp kế thủy ngân; huyết áp kế lò xo; huyết áp kế điện tử	-	x	x	x	12 tháng
33	Nhiệt kế: nhiệt kế thủy tinh-chất lỏng; nhiệt kế thủy tinh-rượu có cơ cấu cực	-	x	x	-	24 tháng

TT	Tên phương tiện đo	Biện pháp kiểm soát về đo lường				Chu kỳ kiểm định
		Phê duyệt mẫu	Kiểm định			
			Ban đầu	Định kỳ	Sau sửa chữa	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	tiêu; nhiệt kế thủy tinh-thủy ngân có cơ cấu cực đại					
34	Nhiệt kế y học:					
	- Nhiệt kế y học thủy tinh-thủy ngân có cơ cấu cực đại	-	x	-	-	-
	- Nhiệt kế y học điện tử tiếp xúc có cơ cấu cực đại	-	x	x	-	06 tháng
	- Nhiệt kế y học điện tử bức xạ hồng ngoại	-	x	x	x	12 tháng
35	Phương tiện đo độ ẩm hạt nông sản	-	x	x	x	12 tháng
36	Phương tiện đo nhiệt độ, độ ẩm không khí	-	x	x	x	24 tháng
37	Tỷ trọng kế	-	x	x	x	24 tháng
38	Phương tiện đo hàm lượng bụi:					
	- Phương tiện đo hàm lượng bụi trong khí thải	-	x	x	x	12 tháng
	- Phương tiện đo hàm lượng bụi trong không khí	-	x	x	x	12 tháng
39	Phương tiện đo nồng độ cồn trong hơi thở	x	x	x	x	12 tháng
40	Phương tiện đo nồng độ các khí:					
	- Phương tiện đo nồng độ các khí trong khí thải	-	x	x	x	12 tháng
	- Phương tiện đo nồng độ các khí trong không khí	-	x	x	x	12 tháng
41	Phương tiện đo các thông số của nước:					
	- Phương tiện đo các thông số của nước trong nước mặt	-	x	x	x	12 tháng
	- Phương tiện đo các thông số của nước trong nước thải	-	x	x	x	12 tháng
42	Phương tiện đo độ ẩm muối	-	x	x	x	12 tháng

TT	Tên phương tiện đo	Biện pháp kiểm soát về đo lường				Chu kỳ kiểm định
		Phê duyệt mẫu	Kiểm định			
			Ban đầu	Định kỳ	Sau sửa chữa	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
43	Công tơ điện:					
	- Công tơ điện xoay chiều 1 pha kiểu điện tử	x	x	x	x	72 tháng
	- Công tơ điện xoay chiều 3 pha kiểu cảm ứng	x	x	x	x	48 tháng
	- Công tơ điện xoay chiều 3 pha kiểu điện tử	x	x	x	x	36 tháng
44	Biến dòng đo lường	x	x	x	x	60 tháng
45	Biến áp đo lường	x	x	x	x	60 tháng
46	Phương tiện đo điện trở cách điện	-	x	x	x	12 tháng
47	Phương tiện đo điện trở tiếp đất	-	x	x	x	12 tháng
48	Phương tiện đo điện trở kíp mìn	-	x	x	x	6 tháng
49	Phương tiện đo cường độ điện trường	-	x	x	x	12 tháng
50	Phương tiện đo điện tim	-	x	x	x	24 tháng
51	Phương tiện đo điện não	-	x	x	x	24 tháng
52	Phương tiện đo độ ồn	-	x	x	x	12 tháng
53	Phương tiện đo rung động	-	x	x	x	12 tháng
54	Phương tiện đo độ rọi	-	x	x	x	12 tháng
55	Phương tiện đo độ chói	-	x	x	x	12 tháng
56	Phương tiện đo năng lượng tử ngoại	-	x	x	x	12 tháng
57	Phương tiện đo quang phổ:					
	- Phương tiện đo quang phổ hấp thụ nguyên tử	-	x	x	x	12 tháng
	- Phương tiện đo quang phổ tử ngoại - khả kiến	-	x	x	x	12 tháng
58	Phương tiện đo công suất laser	-	x	x	x	12 tháng
59	Phương tiện đo tiêu cự kính mắt	-	x	x	x	12 tháng
60	Phương tiện đo độ khúc xạ mắt	-	x	x	x	12 tháng
61	Thấu kính đo thị lực	-	x	x	x	12 tháng

TT	Tên phương tiện đo	Biện pháp kiểm soát về đo lường				Chu kỳ kiểm định
		Phê duyệt mẫu	Kiểm định			
			Ban đầu	Định kỳ	Sau sửa chữa	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
62	Phương tiện đo độ phân cực xác định hàm lượng đường (độ Pol)	-	x	x	x	12 tháng
63	Phương tiện đo độ khúc xạ xác định hàm lượng đường (độ Brix)	-	x	x	x	12 tháng
64	Phương tiện đo lượng mưa	-	x	x	x	24 tháng
65	Phương tiện đo mực nước	-	x	x	x	24 tháng
66	Phương tiện đo tự động liên tục các thông số khí tượng thủy văn	-	x	x	x	24 tháng
67	Phương tiện đo kính vĩ	-	x	x	x	12 tháng
68	Phương tiện đo định vị bằng vệ tinh	-	x	x	x	12 tháng
69	Thiết bị đo điện năng sạc pin xe điện:					
	- Thiết bị đo điện năng xoay chiều sạc pin xe đạp điện, xe máy điện	x	x	x	x	60 tháng
	- Thiết bị đo điện năng xoay chiều sạc pin xe ô tô điện	x	x	x	x	36 tháng
	- Thiết bị đo điện năng một chiều sạc pin xe ô tô điện	x	x	x	x	36 tháng

- Ký hiệu "x": biện pháp phải được thực hiện đối với phương tiện đo;
- Ký hiệu "-": biện pháp không phải thực hiện đối với phương tiện đo;
- Trong toàn bộ thời gian quy định của chu kỳ kiểm định, đặc tính kỹ thuật đo lường của phương tiện đo phải được duy trì trong suốt quá trình sử dụng.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2024.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản về Bộ Khoa học và Công nghệ để được hướng dẫn hoặc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung.

2. Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng có trách

nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Thông tư này.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ KH&CN: Bộ trưởng và các Thứ trưởng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử của Chính phủ;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật;
- Cổng thông tin điện tử của Bộ KH&CN;
- Lưu: VT, PC, TĐC (5).

[Handwritten signatures]

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Xuân Định